

ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
(Đề có 4 trang)

Mã đề 301

Họ, tên thí sinh: .....  
Số báo danh: .....

**Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía tây núi Phanxipăng?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Tây Côn Lĩnh. C. Khoan La San. D. Phu Luông.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Tây Nguyên?

- A. A Vương. B. Vĩnh Sơn. C. Sông Hình. D. Yaly.

**Câu 43:** Khu vực nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh nhất của động đất?

- A. Tây Nguyên. B. Tây Bắc. C. Đông Nam Bộ. D. Đông Bắc.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết tỉnh nào sau đây của vùng Bắc Trung Bộ có mỏ sắt?

- A. Quảng Bình. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Thừa Thiên Huế.

**Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

- A. Thái Nguyên. B. Việt Trì. C. Bắc Ninh. D. Cẩm Phả.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết Bảo Lộc là đô thị thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Phước. B. Bình Thuận. C. Lâm Đồng. D. Đồng Nai.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim màu?

- A. Việt Trì. B. Cẩm Phả. C. Thái Nguyên. D. Nam Định.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành dệt may?

- A. Tân An. B. Kiên Lương. C. Cà Mau. D. Rạch Giá.

**Câu 49:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng lúa cao nhất Bắc Trung Bộ?

- A. Nghệ An. B. Quảng Bình. C. Thanh Hóa. D. Hà Tĩnh.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

- A. Đà Lạt. B. Lạng Sơn. C. Vũng Tàu. D. Hà Nội.

**Câu 51:** Nhà máy điện nào sau đây sử dụng cơ sở nhiên liệu từ dầu?

- A. Cà Mau. B. Na Dương. C. Thủ Đức. D. Bà Rịa.

**Câu 52:** Tài nguyên đất của nước ta bị suy thoái nhiều nơi do

- A. khai thác quá mức. B. bón phân hữu cơ. C. mưa lớn theo mùa. D. trồng trọt luân canh.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết phần lớn các sông ở Tây Nguyên chảy vào dòng chính sông Mê Công qua hai sông nào sau đây?

- A. Đak Krông, Ia Súp. B. Xê Xan, Đak Krông.  
C. Xê Xan, Xrê Pôc. D. Xê Công, Sa Thầy.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có GDP bình quân đầu người từ trên 15 đến 18 triệu đồng?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Thuận. C. Khánh Hòa. D. Phú Yên.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Cam-pu-chia?

- A. Quảng Bình. B. Bình Phước. C. Quảng Trị. D. Quảng Nam.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 26 nối Buôn Ma Thuột với nơi nào sau đây?

- A. Vũng Tàu.                      B. Nha Trang.                      C. Cam Ranh.                      D. Phan Thiết.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 20°C?

- A. Điện Biên Phủ.                      B. Hà Nội.                      C. Lạng Sơn.                      D. Sa Pa.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Trà Nóc.                      B. Bà Rịa.                      C. Phú Mỹ.                      D. Thủ Đức.

**Câu 59:** Ngành công nghiệp quan trọng của Đông Nam Bộ là

- A. khai thác bôxít.                      B. khai thác than.                      C. khai thác dầu khí.                      D. khai thác sắt.

**Câu 60:** Nội dung nào sau đây đúng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta hiện nay?

- A. Giảm tỉ trọng giá trị sản xuất của ngành thủy sản.  
B. Hình thành vùng chuyên canh trong nông nghiệp.  
C. Giảm tỉ trọng các ngành có hiệu quả kinh tế thấp.  
D. Phát triển các ngành sử dụng nhiều tài nguyên.

**Câu 61:** Trong hoạt động khai thác dầu khí ở thềm lục địa nước ta, vấn đề quan trọng nhất được đặt ra là

- A. phải theo dõi các thiên tai thường có ở biển Đông.                      B. phải khai thác hạn chế nguồn tài nguyên này.  
C. tránh để xảy ra các sự cố môi trường trên biển.                      D. tránh xung đột với các nước chung biển Đông.

**Câu 62:** Vị trí địa lí tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta

- A. phát triển nền nông nghiệp cận nhiệt đới.                      B. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.  
C. bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc phòng.                      D. phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.

**Câu 63:** Giải pháp nào sau đây đúng với việc nâng cao giá trị lâm sản khai thác ở nước ta?

- A. Bảo vệ các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên.  
B. Đẩy mạnh chế biến gỗ tại chỗ, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.  
C. Ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác hợp lí và trồng rừng.  
D. Tăng cường trồng rừng, mở rộng quy mô các lâm trường.

**Câu 64:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2015-2021

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2015	2018	2021
Xuất khẩu	58,8	69,3	74,7
Nhập khẩu	71,1	112,8	117,9

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng giá trị xuất khẩu trong tổng giá trị xuất nhập khẩu của Phi-lip-pin giai đoạn 2015 – 2021?

- A. Từ năm 2015 đến 2021 tăng.                      B. Năm 2021 lớn hơn năm 2015.  
C. Năm 2018 lớn hơn năm 2021.                      D. Năm 2015 lớn hơn năm 2018.

**Câu 65:** Giao thông vận tải đường ô tô nước ta hiện nay

- A. kết nối với đường bộ của tất cả các quốc gia khác.  
B. huy động được các nguồn vốn để tập trung đầu tư.  
C. chưa kết nối vào hệ thống đường bộ trong khu vực.  
D. mạng lưới còn chưa được phủ kín tất cả các vùng.

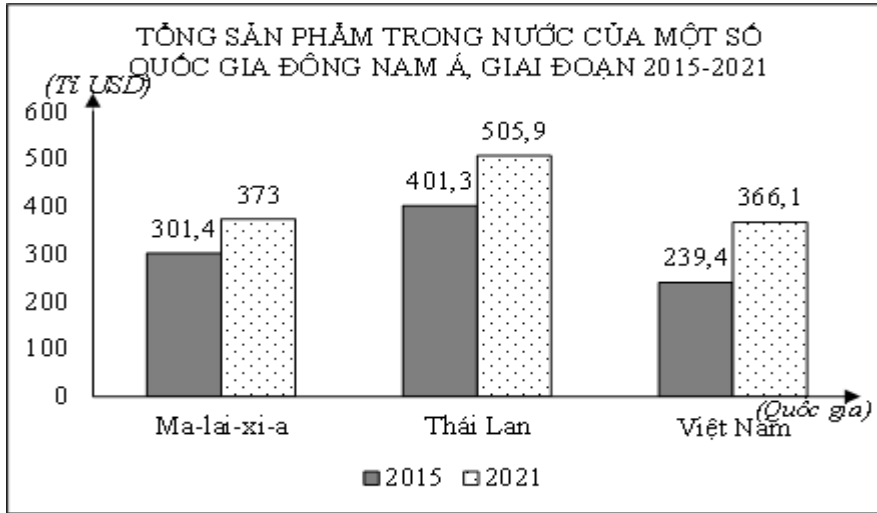
**Câu 66:** Việc áp dụng nhiều hệ thống canh tác trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta mang lại lợi ích chủ yếu nào sau đây?

- A. Đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, thúc đẩy xuất khẩu.  
B. Sử dụng hiệu quả tài nguyên, đáp ứng nhu cầu thị trường.  
C. Nâng cao năng suất, phát triển nông nghiệp hàng hóa.  
D. Khắc phục được tính mùa vụ, tạo thêm nhiều việc làm.

**Câu 67:** Đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông do

- A. có nhiều khoáng sản.                      B. nhiều dân tộc sinh sống.  
C. địa hình bằng phẳng.                      D. diện tích đất rộng.

**Câu 68:** Cho biểu đồ:



Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tổng sản phẩm trong nước năm 2021 so với năm 2015 của Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Việt Nam?

- A. Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan.
- B. Ma-lai-xi-a tăng nhiều hơn Thái Lan.
- C. Ma-lai-xi-a giảm và Thái Lan tăng.
- D. Việt Nam tăng gấp hai lần Ma-lai-xi-a.

**Câu 69:** Chất lượng sản phẩm công nghiệp nước ta được nâng cao chủ yếu do

- A. gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ.
- B. tập trung phát triển nhiều ngành.
- C. nâng cao trình độ tay nghề lao động.
- D. đầu tư phát triển theo chiều sâu.

**Câu 70:** Việc hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế đã mang lại lợi ích lớn cho nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. tạo ra những thay đổi mang tính đột phá về việc làm.
- B. giải quyết được tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn.
- C. tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động.
- D. hạn chế tối đa vấn đề thất nghiệp khu vực thành thị.

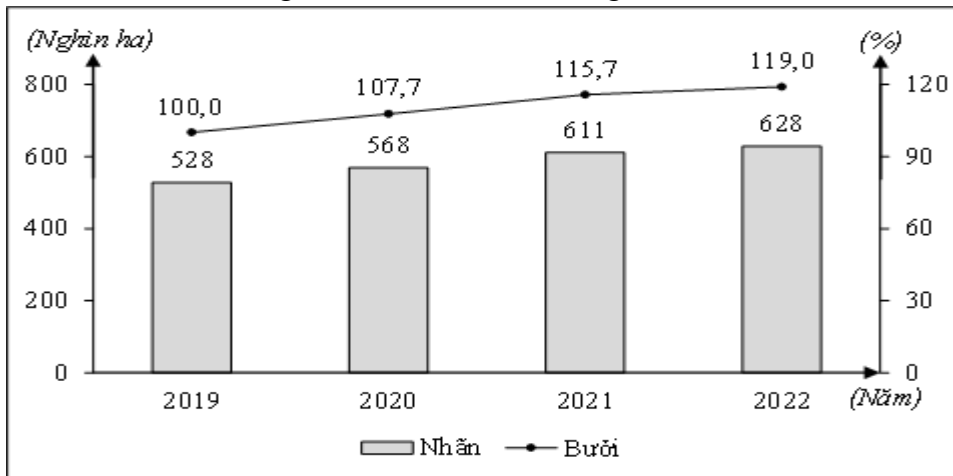
**Câu 71:** Giải pháp chủ yếu để phát triển lâm nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. tăng cường liên kết vùng, mở rộng thị trường.
- B. tăng cường bảo vệ rừng, đẩy mạnh chế biến gỗ.
- C. phát triển cơ sở hạ tầng, giải quyết nước tưới.
- D. thu hút lao động, giải quyết vấn đề năng lượng.

**Câu 72:** Giải pháp chủ yếu để thu hút đầu tư ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thu hút thêm lao động, phát triển công nghiệp.
- B. phát triển cơ sở hạ tầng, đổi mới cơ chế quản lí.
- C. mở rộng thị trường, giải quyết tốt năng lượng.
- D. phát triển giao thông, thu hút nguồn lao động.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về diện tích trồng bưởi và nhân ở nước ta giai đoạn 2019 – 2022:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô diện tích nhãn và tốc độ tăng diện tích bưởi.
- B. Quy mô diện tích nhãn và quy mô diện tích bưởi.
- C. Cơ cấu diện tích nhãn và tốc độ tăng diện tích bưởi.
- D. Cơ cấu diện tích bưởi và tốc độ tăng diện tích nhãn.

**Câu 74:** Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa chủ yếu là

- A. bảo vệ môi trường, tạo ra nông sản xuất khẩu lớn.
- B. nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo nhiều việc làm.
- C. sử dụng hiệu quả đất, nâng cao năng suất cây trồng.
- D. khai thác tốt tự nhiên, nâng cao hiệu quả sản xuất.

**Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác hợp lý tự nhiên vùng ven biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển nghề nuôi tôm, bảo vệ môi trường.
- B. thu hút nguồn lao động, sử dụng hợp lý đất đai.
- C. tạo sản phẩm xuất khẩu, tăng giá trị kinh tế.
- D. nâng cao hiệu quả kinh tế, cân bằng sinh thái.

**Câu 76:** Nhân tố nào sau đây tác động đến sự đa dạng loại hình du lịch nước ta hiện nay?

- A. Tài nguyên du lịch và nhu cầu của du khách trong, ngoài nước.
- B. Nhu cầu của du khách trong, ngoài nước và điều kiện phục vụ.
- C. Định hướng ưu tiên phát triển du lịch và các nguồn vốn đầu tư.
- D. Lao động làm du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng.

**Câu 77:** Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta vào mùa đông có nhiều biến động thời tiết chủ yếu do tác động của

- A. vùng đồi núi rộng, hoạt động của frông và Tín phong bán cầu Bắc.
- B. hoạt động của frông, gió mùa Đông Bắc và các dãy núi vòng cung.
- C. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông và Tín phong bán cầu Bắc.
- D. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông và hướng của các dãy núi.

**Câu 78:** Việc phát triển vốn rừng ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa chủ yếu là

- A. phòng chống lũ quét, điều hoà nước sông, ngăn chặn cát bay.
- B. phòng chống bão, sử dụng tốt đất đai, hình thành các lâm trường.
- C. phòng chống sạt lở, hạn chế lũ trái mùa, bảo vệ nguồn gen quý.
- D. phòng chống cát bay, phát triển du lịch, phòng chống cháy rừng.

**Câu 79:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÁC NHÓM CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

(Đơn vị: Nghìn ha)

Nhóm cây trồng \ Năm	2010	2015	2020	2022
Cây hàng năm	11214,3	11700,0	10870,9	10653,3
Cây lâu năm	2846,8	3245,3	3614,1	3735,0

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích nhóm cây trồng của nước ta giai đoạn 2010 – 2022, các dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp?

- A. Miền, cột, đường.
- B. Miền, tròn, cột.
- C. Miền, tròn, đường.
- D. Tròn, cột, đường.

**Câu 80:** Việc đẩy mạnh phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa chủ yếu là

- A. tạo thêm nhiều việc làm, phát triển kinh tế mở, thu hút lao động.
- B. khai thác tốt vùng biển, thu hút nhiều du khách, tăng thu nhập.
- C. phát huy thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư.
- D. nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng cường giao lưu, thu hút đầu tư.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

STT	Mã đề	Câu 41	Câu 42	Câu 43	Câu 44	Câu 45	Câu 46	Câu 47
1	301	C	D	B	B	C	C	C
2	302	A	D	B	D	D	A	A
3	303	C	B	B	A	D	A	B
4	304	B	B	B	C	B	D	C
5	305	C	C	A	A	D	C	B
6	306	A	D	B	D	B	D	C
7	307	A	B	D	D	A	D	D
8	308	C	A	C	B	D	D	C
9	309	D	B	B	D	C	A	C
10	310	C	B	B	C	D	B	C
11	311	B	D	D	D	B	B	D
12	312	A	D	A	B	D	A	B
13	313	A	A	A	C	A	D	B
14	314	D	A	C	C	B	A	D
15	315	A	A	B	A	D	A	A
16	316	C	D	D	D	D	A	B
17	317	B	D	D	B	B	B	D
18	318	B	B	A	B	A	C	D
19	319	A	D	A	B	A	A	C
20	320	C	A	D	D	C	D	A
21	321	B	A	B	D	C	A	B
22	322	C	C	B	C	B	D	D
23	323	A	C	B	A	A	B	B
24	324	C	C	D	B	B	A	C

Câu 48	Câu 49	Câu 50	Câu 51	Câu 52	Câu 53	Câu 54	Câu 55	Câu 56
A	C	C	C	A	C	C	B	B
D	A	C	D	A	C	B	C	A
B	B	B	B	D	B	C	D	D
C	B	A	D	D	B	B	D	C
B	D	D	A	D	A	A	D	B
A	A	C	D	B	B	C	C	D
A	D	B	C	D	D	C	B	A
D	D	D	D	A	C	B	D	A
C	A	B	A	D	D	B	B	D
B	B	B	B	A	B	A	D	C
C	C	D	D	C	C	A	B	D
D	B	B	C	D	A	A	B	B
A	C	A	A	D	A	B	D	B
A	B	A	C	B	A	A	D	D
D	B	C	A	B	B	D	B	B
B	D	B	A	A	A	D	A	B
D	A	B	A	C	B	B	D	D
B	B	D	B	B	B	D	C	D
C	A	D	C	A	C	C	A	D
D	A	C	A	B	B	C	D	A
A	B	B	B	D	B	D	C	C
A	B	D	C	C	A	C	B	A
D	D	C	C	C	B	A	A	B
D	A	B	B	C	C	C	D	A

Câu 57	Câu 58	Câu 59	Câu 60	Câu 61	Câu 62	Câu 63	Câu 64	Câu 65
D	A	C	C	C	B	B	D	B
C	D	B	D	C	B	D	B	B
A	C	C	C	D	C	C	D	A
C	A	D	B	C	D	D	D	C
D	D	A	C	C	D	A	C	C
A	C	A	D	C	B	B	B	A
C	D	D	B	B	A	C	C	C
D	C	B	A	C	B	D	D	D
D	C	C	A	C	D	D	A	A
B	B	A	D	A	D	D	A	C
B	B	D	C	B	A	B	C	B
C	A	C	B	C	D	B	A	A
B	C	A	D	C	D	C	A	C
B	C	B	A	B	C	C	B	D
A	C	D	D	A	A	A	C	C
B	A	A	A	C	A	A	D	B
C	B	B	B	A	D	A	C	A
B	A	D	C	A	C	B	B	D
B	D	B	A	D	C	A	D	D
D	B	A	A	D	D	A	C	A
C	C	C	D	A	A	A	C	A
B	B	D	C	D	B	A	D	C
D	C	B	B	B	C	D	A	A
A	D	A	A	D	A	C	B	D

Câu 66	Câu 67	Câu 68	Câu 69	Câu 70	Câu 71	Câu 72	Câu 73	Câu 74
B	C	A	D	C	B	B	A	D
C	D	B	B	D	C	B	B	D
B	C	B	D	A	D	D	B	D
A	C	D	C	B	B	C	B	A
C	D	C	A	A	A	C	A	B
C	C	A	D	D	D	B	A	A
B	D	D	A	C	C	D	B	C
B	B	D	B	D	D	A	D	B
D	B	B	B	B	D	B	B	D
C	A	B	A	A	D	B	B	B
B	A	A	C	C	B	A	B	B
A	B	C	D	D	A	C	B	D
C	D	C	A	A	B	C	C	D
D	B	B	B	B	D	D	A	A
D	D	C	D	D	C	B	D	D
C	B	B	C	B	C	C	A	A
A	B	D	C	C	A	D	D	C
B	A	B	B	A	C	C	B	A
D	D	B	A	D	B	D	C	B
A	C	B	A	D	B	D	C	C
C	D	B	A	A	D	C	A	C
A	A	D	C	A	C	B	B	B
A	B	A	C	A	B	A	D	D
A	A	D	D	A	D	D	A	B



Câu 75	Câu 76	Câu 77	Câu 78	Câu 79	Câu 80
D	A	C	A	B	C
B	B	C	D	D	B
D	B	B	D	D	A
A	A	D	D	D	D
B	B	D	C	C	B
C	C	B	A	C	A
B	A	A	C	C	C
C	A	D	B	C	A
C	A	D	C	B	A
A	D	D	D	A	C
D	C	D	A	A	D
B	A	D	B	D	B
A	B	A	B	A	A
A	B	B	D	C	B
A	D	D	A	B	B
B	D	C	C	B	B
A	B	B	C	A	B
D	C	B	A	B	D
A	C	B	D	B	C
A	D	C	C	B	D
A	D	D	C	A	C
B	B	D	D	B	A
B	C	B	D	D	C
C	D	D	A	D	C